TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỐT NỐT** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 22/2022/QĐST-DS	*Thốt Nốt, ngày 21 tháng 4 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 13 tháng 4 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 95/2019/TLST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Lê Văn K**, sinh năm 1973

Địa chỉ: khu vực Q, phường T, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Bà **Phạm Thị T**, sinh năm 1952

Địa chỉ: khu vực P, phường T, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Phạm Thị N**, sinh năm 1943 (đã chết ngày 16/6/2017)

Kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng:

+ Bà **Lê Thị D**, sinh năm 1962

Địa chỉ: ấp Đ, thị trấn N, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

+ Ông **Lê Văn B**, sinh năm 1964

Địa chỉ: khu vực P, phường T, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

+ Bà **Lê Thị M,** sinh năm 1965

Địa chỉ: khu vực P, phường T, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

+ Bà **Lê Thị V**, sinh năm 1966

Địa chỉ: ấp P**,** xã P, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

+ Ông **Lê Văn H**, sinh năm 1968

Địa chỉ: khu vực P, phường T, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

+ Bà **Lê Thị H1**, sinh năm 1972

Địa chỉ: khu vực T, phường TN, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

+ Bà **Lê Thị Q**, sinh năm 1975

Địa chỉ: khu vực T, phường TA, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

+ Ông **Lê Văn N**, sinh năm 1978

Địa chỉ: khu vực P, phường T, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

+ Ông **Lê Hoàng E**, sinh năm 1980

Địa chỉ: khu vực P, phường T, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

+ Bà **Lê Thị Bích**, sinh năm 1983

Địa chỉ: ấp C, xã H, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Bà D, ông B, bà M, bà V, ông H, bà H, bà Q, ông N, ông Hoàng E, bà B cùng ủy quyền cho ông Hoàng E tham gia tố tụng theo Văn bản ủy quyền ngày 22/9/2017

- **Bà Phạm Thị T**, sinh năm 1954

Địa chỉ: số O, thị trấn M, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Ông **Phạm Trí T**, sinh năm 1966

Địa chỉ: khu vực T, phường TN, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

- Bà **Lê Thị H**, sinh năm 1972

Địa chỉ: khu vực T, phường TN, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

- Ông **Lê Tâm B**, sinh năm 1964

Địa chỉ: khu vực Phụng Thạnh 2, phường Trung Kiên, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

- Bà **Đặng Kim B**, sinh năm 1966

- Ông **Lê Văn B**, sinh năm 1964

Cùng địa chỉ: khu vực P, phường T, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Xác định Cụ Phạm Văn L, sinh năm 1907 chết ngày 18/9/1981 và cụ Nguyễn Thị K, sinh năm 1916 chết 09/01/2008 không để lại di chúc.

Xác định di sản của cụ Phạm Văn L, cụ Nguyễn Thị K gồm có:

Quyền sử dụng đất thửa 653 diện tích qua đo đạc thực tế 934.1m^2 ODT + CLN(có 300m^2 ODT) thuộc tờ bản đồ số 03, giấy chứng nhận QSD đất số 000209 do Ủy ban nhân dân huyện Thốt Nốt cấp ngày 01/7/1997 cho bà Nguyễn Thị K đại diện hộ đứng tên. Đất tọa lạc tại ấp P, xã TN cũ, nay là khu vực P,

phường TK, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Tổng số tiền bồi thường hỗ trợ do thu hồi diện tích 1.285.5m^2 (CLN) thuộc một phần thửa 653 là 637.396.000đ *(sáu trăm ba mươi bảy triệu, ba trăm chín mươi sáu nghìn đồng)*.

Xác định hàng thừa kế thứ nhất gồm có 04 người: bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị T, anh Lê Văn K (thừa kế thế vị của ông Phạm Văn S chết năm 1973), Bà Lê Thị D, ông Lê Văn B, bà Lê Thị M, bà Lê Thị V, ông Lê Văn H, bà Lê Thị H, bà Lê Thị Q, ông Lê Văn N, ông Lê Hoàng E, bà Lê Thị B (thừa kế của bà Bà Phạm Thị N, chết 2017).

Công nhận sự thỏa thuận chia di sản của cụ Phạm Văn L, cụ Nguyễn Thị K như sau:

- Chia cho ông Lê Văn K vị trí E diện tích đất 186.9m^2 loại đất ODT + CLN (có 60m^{2}ODT) thuộc một phần thửa 653, tờ bản đồ số 03, giấy chứng nhận QSD đất số 000209 do Ủy ban nhân dân huyện Thốt Nốt cấp ngày 01/7/1997 cho bà Nguyễn Thị K đại diện hộ đứng tên. Đất tọa lạc tại ấp P, xã TN cũ, nay là khu vực P, phường T, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

- Chia cho bà Phạm Thị T vị trí C diện tích đất 373.6m^2 loại đất ODT + CLN (có 120m^2 ODT) và vị trí D diện tích 186.8m^2 loại đất ODT + CLN (có 60m^2 ODT) thuộc một phần thửa 653, tờ bản đồ số 03, giấy chứng nhận QSD đất số 000209 do Ủy ban nhân dân huyện Thốt Nốt cấp ngày 01/7/1997 cho bà Nguyễn Thị K đại diện hộ đứng tên. Đất tọa lạc tại ấp P, xã TN cũ, nay là khu vực P, phường T, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

- Buộc bà Phạm Thị T có trách nhiệm thanh toán cho bà Phạm Thị T số tiền 773.800.000đ *(bảy trăm bảy mươi ba triệu, tám trăm ngàn đồng)*.

- Chia cho Bà Lê Thị D, ông Lê Văn B, bà Lê Thị M, bà Lê Thị V, ông Lê Văn H, bà Lê Thị H, bà Lê Thị Q, ông Lê Văn N, ông Lê Hoàng E, bà Lê Thị B vị trí B diện tích đất 186.8m^2 loại đất ODT + CLN (có 60m^{2}ODT) thuộc một phần thửa 653, tờ bản đồ số 03, giấy chứng nhận QSD đất số 000209 do Ủy ban nhân dân huyện Thốt Nốt cấp ngày 01/7/1997 cho bà Nguyễn Thị K đại diện hộ đứng tên. Đất tọa lạc tại ấp P, xã TN cũ, nay là khu vực P, phường T, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoảng tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Đối với số tiền bồi thường hỗ trợ do thu hồi diện tích 1.285.5m^2 (CLN) thuộc một phần thửa 653 là 637.396.000đ *(sáu trăm ba mươi bảy triệu, ba trăm chín mươi sáu nghìn đồng)* được chia:

+ Ông Lê Văn K được sở hữu số tiền 127.479.200đ *(một trăm hai mươi bảy triệu, bốn trăm bảy mươi chín nghìn, hai trăm đồng).*

+ Bà Phạm Thị T được sở hữu số tiền 254.958.400đ *(hai trăm năm mươi bốn triệu, chín trăm năm mươi tám nghìn, bốn trăm đồng).*

+ Bà Lê Thị D, ông Lê Văn B, bà Lê Thị M, bà Lê Thị V, ông Lê Văn H, bà Lê Thị H, bà Lê Thị Q, ông Lê Văn N, ông Lê Hoàng E, bà Lê Thị B được sở hữu số tiền 127.479.200đ *(một trăm hai mươi bảy triệu, bốn trăm bảy mươi chín nghìn, hai trăm đồng).*

+ Bà Phạm Thị T được sở hữu số tiền 127.479.200đ *(một trăm hai mươi bảy triệu, bốn trăm bảy mươi chín nghìn, hai trăm đồng).*

Các đương sự được quyền liên hệ với Kho bạc Nhà Nước thành phố Cần Thơ để nhận tiền bồi thường, hỗ trợ (theo công văn số 251/TTPTQĐ-BT&GPMB ngày 26/01/2022). Đề nghị Kho bạc Nhà Nước thành phố Cần Thơ có trách nhiệm chi trả cho đương sự theo nội dung quyết định đã công nhận, kể cả phần lãi phát sinh (nếu có).

Về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất:

- Công nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.418,9m^2 loại đất LUC tại vị trí E theo bản trích đo địa chính số 39 ngày 30/6/2017, thuộc một phần thửa đất số 650, tờ bản đồ số 03, giấy chứng nhận QSD đất số 000209 do Ủy ban nhân dân huyện Thốt Nốt cấp ngày 01/7/1997 cho bà Nguyễn Thị K đại diện hộ đứng tên, đất tọa lạc tại ấp P, xã TN cũ, nay là khu vực P, phường T, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ cho bà Lê Thị H.

- Công nhận quyền sử dụng đất diện tích 3.086,7m^2 loại đất LUC tại vị trí F + G theo bản trích đo số 39, thuộc một phần thửa 650 tờ bản đồ số 03, giấy chứng nhận QSD đất số 000209 do Ủy ban nhân dân huyện Thốt Nốt cấp ngày 01/7/1997 cho bà Nguyễn Thị K đại diện hộ đứng tên, đất tọa lạc tại ấp P, xã TN, nay là khu vực P, phường T, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ cho ông Lê Tâm B.

- Công nhận quyền sử dụng đất diện tích 151.3m^2 loại đất CLN tại vị trí A theo trích đo số 29, thuộc một phần thửa 653 tờ bản đồ số 03, giấy chứng nhận QSD đất số 000209 do Ủy ban nhân dân huyện Thốt Nốt cấp ngày 01/7/1997 cho bà Nguyễn Thị K đại diện hộ đứng tên, đất tọa lạc tại ấp P, xã TN cũ, nay là

khu vực P, phường T, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ cho ông Lê Văn B và bà Đặng Kim B.

Các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích đã được công nhận theo qui định của pháp luật.

Căn cứ vào biên bản đo đạc, thẩm tra tài sản ngày 13/4/2017, biên bản định giá tài sản do Tòa án thành lập ngày 13/4/2017 và bản trích đo địa chính số 39/TTKTTNMT ngày 24/5/2017 có xác nhận của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên – Môi trường, thuộc Sở TNMT, thành phố Cần Thơ ngày 30/6/2017 cung cấp để xác định diện tích, kích thước phần đất đã được công nhận *(có đính kèm bản trích đo địa chính số 39).*

Căn cứ vào biên bản xem xét thẩm định tài sản ngày 17/5/2021, biên bản định giá do Tòa án thành lập ngày 17/5/2021 và bản trích đo địa chính số 29/TTKTTNMT ngày 11/3/2022 có xác nhận của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên – Môi trường, thuộc Sở TNMT, thành phố Cần Thơ ngày 24/3/2022 cung cấp để xác định diện tích, kích thước phần đất đã được công nhận *(có đính kèm bản trích đo địa chính số 29).*

Đối với cây trồng trên đất đương sự không yêu cầu nên không đặt vấn đề giải quyết.

Đối với hàng rào diện tích ngang 22.3m x cao 1.5m = 33.45m^2 đương sự không yêu cầu nên không đặt vấn đề giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Lê Văn K phải nộp 2.5% giá trị được chia nên phải nộp là 19.524.000đ *(mười chín triệu, năm trăm hai mươi bốn nghìn đồng)* được khấu trừ từ số tiền tạm nộp án phí 3.602.000đ *(ba triệu, sáu trăm linh hai nghìn đồng)* mà nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2011/007162 ngày 13/6/2011 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ. Ông K còn phải nộp thêm số tiền 15.922.000đ *(mười lăm triệu, chín trăm hai mươi hai nghìn đồng).*

Bị đơn bà Phạm Thị T được miễn nộp tiền án phí do là người cao tuổi theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Phạm Thị T được miễn nộp tiền án phí do là người cao tuổi theo quy định. Bà Thảo được nhận lại số tiền 930.000đ *(chín trăm ba mươi nghìn đồng)*

theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/003740 ngày 22/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Bà Lê Thị D, ông Lê Văn B, bà Lê Thị M, bà Lê Thị V, ông Lê Văn H, bà Lê Thị H, bà Lê Thị Q, ông Lê Văn N, ông Lê Hoàng E, bà Lê Thị B phải nộp 2.5% giá trị được chia nên phải nộp số tiền 19.519.000đ *(mười chín triệu, năm trăm mười chín nghìn đồng)* nhưng được khấu trừ số tiền 987.500đ *(chín trăm tám mươi bảy nghìn, năm trăm đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2012/004119 ngày 22/10/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ. Ông, bà có tên trên còn phải nộp thêm số tiền 18.531.500đ *(mười tám triệu, năm trăm ba mươi mốt nghìn, năm trăm đồng)*.

Ông Lê Văn B, bà Đặng Kim B phải nộp số tiền 150.000đ *(một trăm năm mươi nghìn đồng)* được khấu trừ số tiền 200.000đ *(hai trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2011/007355 ngày 01/11/2011 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ. ông B, bà B được nhận lại số tiền 50.000đ *(năm mươi nghìn đồng)*.

Bà Lê Thị H phải nộp số tiền 150.000đ *(một trăm năm mươi nghìn đồng)* được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 5.135.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2012/004120 ngày 22/10/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ. Bà H được nhận lại số tiền 4.985.000đ *(bốn triệu, chín trăm tám mươi lăm nghìn đồng)*.

Ông Lê Tâm B phải nộp số tiền 150.000đ *(một trăm năm mươi nghìn đồng)* được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 5.166.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2012/004450 ngày 07/5/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ. Ông B được nhận lại số tiền 5.016.000đ *(năm triệu, không trăm mười sáu nghìn đồng)*.

Về chi phí đo đạc, thẩm định, định giá, lệ phí bản vẽ: Các khoản hết 26.886.000đ *(hai mươi sáu triệu, tám trăm tám mươi sáu nghìn đồng)*, nguyên đơn tự nguyện chịu, công nhận đã nộp và chi xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND Tp Cần Thơ;*
- *VKSND quận Thốt Nốt;*
- *Chi cục THADS quận Thốt Nốt;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

THẨM PHÁN

(Đã Ký)

Khúc Thị Hồng